

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 04 năm 2023*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn**

*Năm báo cáo: 2022*

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3000.333.195 do Sở KHĐT Hà Tĩnh cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/5/2021;
- Vốn điều lệ: 285.620.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 488.661.642.324 đồng
- Địa chỉ: Km70, Quốc lộ 8A, xã Sơn Kim1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;
- Số điện thoại: 0945.024.589
- Email: huongsonGSM@gmail.com
- Website: thuydienhuongson.vn
- Mã cổ phiếu : GSM

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Quá trình hình thành và phát triển:
  - + Ngày thành lập (Quyết định góp vốn): 10 tháng 3 năm 2003;
  - + Ngày đi vào vận hành phát điện thương mại: Tháng 01 năm 2011
  - + Ngày được chấp thuận là Công ty đại chúng: 19 tháng 11 năm 2014;
- Các sự kiện khác.
  - + Ngày hoàn thành công trình: Tháng 03 năm 2012;

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Địa bàn kinh doanh: Sản xuất điện hòa vào mạng lưới điện Quốc gia.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- **Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh.** Bao gồm:
  - + Đại Hội đồng cổ đông;
  - + Hội đồng quản trị;
  - + Ban kiểm soát;
  - + Ban Tổng giám đốc



- + Các phòng, bộ phận trong Công ty gồm:
  - ++ Phòng Tổ chức – Hành chính;
  - ++ Phòng Quản lý Kỹ thuật – Công nghệ (Có Tổ QLVH Đường dây)
  - ++ Bộ phận Nhà máy: Gồm các ca vận hành, Tổ VH đầu mối, Tổ Kỹ thuật;
  - ++ Phòng Tài chính kế toán – Kinh tế;
  - ++ Phòng Quản lý Dự án.
- **Cơ cấu bộ máy quản lý.** Bao gồm:
  - + Hội đồng quản trị;
  - + Ban kiểm soát;
  - + Ban Tổng giám đốc
- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không;

## **5. Định hướng phát triển**

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**
  - + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm đạt doanh thu cao và an toàn;
  - + Đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hương Sơn 2, mang lại hiệu suất vận hành cao cho cả cụm Dự án.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- + Tập trung quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Hương Sơn đạt hiệu suất cao;
- + Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 hoàn thành trong Quý 4/2023;
- + Tìm kiếm đầu tư các Dự án sử dụng nguồn năng lượng tái tạo;

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

Công ty đang sử dụng nguồn nguyên liệu sạch và sản phẩm tạo ra cũng là sản phẩm sạch, an toàn cho môi trường, mang lại nguồn điện năng không nhỏ góp phần vào sự phát triển của đất nước.

## **6. Các rủi ro:**

### **\* Rủi ro kinh tế:**

- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp điện cơ bản, đặc biệt là thủy điện. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh sẽ kéo theo sự gia tăng nhu cầu về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh, các công trình xây dựng mới, nhà ở... để từ đó tăng nhu cầu sử dụng điện. Ngược lại khi nền kinh tế có bất ổn hay suy thoái sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ điện tại tất cả các mặt trong đời sống của ngành điện nói chung và của Công ty nói riêng.

Nhìn chung, thị trường đang dần trên đà phục hồi, các doanh nghiệp cũng đang cải thiện được tình hình sản xuất, kinh doanh của mình và ngành thủy điện cũng không phải là một ngoại lệ. Đây chính là yếu tố mà Công ty Cổ phần Thủy Điện Hương Sơn cần nắm bắt nếu như Công ty muốn tăng trưởng hoạt động kinh doanh.

• **Lãi suất:** Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong nguồn vốn hoạt động. Lãi suất biến động sẽ có những tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Khi lãi suất tăng sẽ kéo theo chi phí sử dụng vốn tăng, làm lợi nhuận của doanh nghiệp giảm xuống và ngược lại.

**\* Rủi ro Luật pháp:**

Là một Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới Luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.

Mặt khác Công ty hiện nay là Công ty đại chúng và giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung, do vậy, hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán, các văn bản hướng dẫn và các quy định về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

**\* Rủi ro kinh doanh:**

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty CP Thủy Điện Hương Sơn còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành thủy điện như rủi ro thời tiết. Đối với các Công ty thủy điện thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là rủi ro đặc thù của ngành thủy điện. Lượng mưa là nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty thủy điện. Trước sự biến đổi khí hậu công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng đến việc dự báo cũng như lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự báo doanh thu lợi nhuận của Công ty.

**\* Rủi ro biến động giá cổ phiếu:**

Việc Công ty CP Thủy Điện Hương Sơn đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty CP Thủy điện Hương Sơn đã chủ động công bố thông tin đối với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và một số đơn vị liên quan khác nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

**\* Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2022**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

\* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 cụ thể như sau:

1  
C  
C  
H  
U  
/ 10/

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Sản lượng điện	Triệu Kwh	113,400	127,336	112,29
2	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	134,182	188,739	140,66
3	Doanh thu	Tỷ đồng	121,984	174,564	143,10
4	Chi phí	Tỷ đồng	105,166	105,151	99,99
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,817	69,413	412,75
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,928	65,560	411,60
7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	29,546	33,264	112,58

## 2. Tổ chức và nhân sự

### – Danh sách Ban điều hành:

- + Ông Phạm Tiến Dũng - Tổng giám đốc;
- + Ông Nguyễn Huy Tuấn - Phó Tổng giám đốc;
- + Ông Nguyễn Văn Hiệp - Kế toán trưởng;

### – Những thay đổi trong ban điều hành: Không;

### – Số lượng cán bộ, nhân viên: 53 người.

– **Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:** Các chính sách đối với người lao động được thực hiện theo các quy định của Nhà nước về tiền lương, bảo hiểm và an toàn, bảo hộ lao động đầy đủ. Hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị người lao động và ký thỏa ước lao động nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động.

### – Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Hiện tại, Công ty đang thực hiện dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 (Giai đoạn 2) với Công suất lắp máy 6,4 MW. Hiện tại Dự án đang triển khai các hạng mục bê tông nhà máy, đào hầm dẫn nước và tiếp tục thực hiện bê tông đập vai phải.

## 3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng (giảm)
<b>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</b>			
Tổng giá trị tài sản	641.895.713.359	678.992.188.762	Tăng 5,78 %
Doanh thu thuần	149.965.505.969	174.275.042.273	Tăng 16,21 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.223.467.391	74.204.153.285	Tăng 31,98 %
Lợi nhuận khác	1.809.508.110	(4.791.275.580)	
Lợi nhuận trước thuế	58.032.975.501	69.412.877.705	Tăng 19,61%
Lợi nhuận sau thuế	55.022.514.074	65.560.288.719	Tăng 19,15 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0		

### a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,135	3,085	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,129	3,077	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,321	0,28	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,473	0,389	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ <b>Vòng quay hàng tồn kho:</b> <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	153,820	174,190	
+ <b>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</b>	0,234	0,257	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,367	0,376	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,126	0,134	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,086	0,097	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,375	0,426	

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** 28.562.000.000 cổ phần.

b) **Cơ cấu cổ đông:**

TT	Tên cổ đông	Số lượng CP (Mệnh giá: 10.000/CP)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP dịch vụ khách sạn Kim Thành	7.620.380	26,68
2	Tổng công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP	5.640.000	19,75
3	Công ty TNHH Đại Hiệp	2.856.220	10,00
4	Nguyễn Thị Nhân Ái	2.917.300	10,21
5	Nguyễn Thị Minh	1.729.900	6,06
6	Trần Thị Kim Thoa	2.856.200	10,00
7	Các cổ đông nhỏ khác	4.942.000	17,30
	<b>Tổng</b>	<b>28.562.000</b>	<b>100</b>

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Tổng số vốn đầu tư không thay đổi, chỉ chuyển quyền sở hữu từ cổ đông này sang cổ đông khác.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** *Không.*

e) **Các chứng khoán khác:** *Không.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc gồm các nội dung sau:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** *Như báo cáo ở trên.*

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

Tài sản của Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn bao gồm tài sản ngắn hạn (Tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho...). Tuy nhiên tài sản chính của Công ty chính là tài sản dài hạn (Bao gồm các tài sản cố định là các hạng mục công trình và một số tài sản khác). Trong năm qua, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty không khá tốt, sản lượng tương đương năm trước nhưng doanh thu vượt trội, các hạng mục công trình hoạt động ổn định và không xảy ra hư hỏng lớn...

b) **Tình hình nợ phải trả**

– *Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.*

Hiện tại, các khoản nợ của Công ty tương đối lớn. Công ty vẫn đang tích cực tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh để trả dần các khoản vay.

– *Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:*

Năm 2018, được sự giúp đỡ của các cổ đông lớn và các Ủy viên Hội đồng quản trị, Công ty đã hoàn thành việc xóa nợ quá hạn tại Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tĩnh (VDB). Sau đó Công ty đã được Ngân hàng ngoại thương Vietcombank – Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh cho vay để trả các khoản nợ đối với các cổ đông lớn/ Ủy viên HĐQT.

Hiện tại đến thời điểm báo cáo, Công ty đang vay Ngân hàng ngoại thương Vietcombank – Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh với dư nợ là 198,05 tỷ đồng (Bao gồm 96,85 tỷ đồng tỷ đồng phục vụ SXKD và 101,2 tỷ đồng phục vụ đầu tư Dự án Thủy điện Hương Sơn 2).

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục cử cán bộ đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ và các lớp đào tạo về chuyên ngành quản lý để xây dựng doanh nghiệp với bộ máy quản lý vững chắc.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Công ty đang có một nhiệm vụ rất lớn song hành cũng việc điều hành Sản xuất phát điện thương mại đó là xây dựng và vận hành dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2. Dự kiến cuối năm 2023 Dự án sẽ hoàn thành và đưa vào vận hành phát điện thương mại.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2022, tập thể CBCNV Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã đoàn kết, cùng nhau thi đua lao động sản xuất vì mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã được các

Cổ đông thống nhất thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022. Thực tế một số thành quả đạt được rất đáng khích lệ như:

- Tập trung chỉ đạo và vận hành các tổ máy; luôn nhanh chóng trong việc thanh toán tiền điện hàng tháng với Công ty Mua bán điện;
- CBCNV Công ty đã tích cực nghiên cứu các phương án làm tăng nguồn nước về hồ cũng như tăng dung tích chứa nước cho hồ thủy điện khi có lũ về, điều này đã làm sản lượng phát điện tăng mang lại doanh thu cho Công ty;
- Kiểm tra, gia cố, bảo trì bảo dưỡng toàn bộ hệ thống công trình.
- Vận hành hiệu quả theo cơ chế thị trường phát điện cạnh tranh;
- Tiền lương của CBCNV được cải thiện so với năm trước;
- Toàn thể CBCNV đoàn kết, yên tâm công tác, trau dồi học hỏi và phát huy những kiến thức sẵn có, tích cực sáng tạo, cống hiến hết mình cho Công ty.
- Sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty nhằm hoạt động hiệu quả hơn.
- Hoàn thành tốt công tác phòng chống thiên tai; đảm bảo giao thông, vận hành sản xuất đảm bảo an toàn về con người và tài sản

## 2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Ban giám đốc đã xây dựng được chương trình công tác cụ thể cho từng tháng, quý, năm trên cơ sở chương trình công tác đó để điều hành và chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị an toàn và hiệu quả như báo cáo ở trên.

## 3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Quản trị, đưa ra những quyết sách để điều hành vận hành an toàn Nhà máy, phát điện trong điều kiện có lợi nhất cả về giá bán, thời điểm, lượng nước;
- Chăm lo đời sống cho CBCNV, không ngừng nâng cao đào tạo đội ngũ vận hành, kỹ sư, cán bộ quản lý;
- Lập kế hoạch khoa học thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- Khai thác hợp lý, hiệu quả Dự án bán khí giảm phát thải (CDM);
- Đôn đốc sớm thi công hoàn thành dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 để sản xuất vận hành mang lại doanh thu và đóng góp ngân sách Nhà nước, tạo thêm công ăn việc làm cho lao động địa phương;
- Thực hiện đúng, hoàn thành tốt trách nhiệm của Hội đồng quản trị trước Đại Hội đồng cổ đông sau đại hội này với các quy định cụ thể về trách nhiệm/quyền hạn tại điều lệ Công ty và quy định của Nhà Nước về trách nhiệm/Quyền hạn của Hội đồng quản trị về quản trị với công ty đại chúng.
- Quan hệ tốt với các cơ quan Bộ ngành Trung ương và địa phương để thực hiện tốt các nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ đầu tư.

## V. **Quản trị Công ty.**

### 1. *Hội đồng quản trị*

#### a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	
2	Nguyễn Bá Thiên	Ủy viên HĐQT	
3	Trần Thị Kim Thoa	Ủy viên HĐQT	
4	Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	
5	Nguyễn Thị Diệu Thúy	Ủy viên HĐQT	
6	Nguyễn Thị Minh	Ủy viên HĐQT	
7	Nguyễn Huy Tuấn	Ủy viên HĐQT	

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có;

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị đã rất sát sao trong việc chỉ đạo, quyết định và giám sát các nội dung công việc đã thông qua. Năm 2022, đã tổ chức 04 cuộc họp Hội đồng quản trị, thống nhất được các nội dung quan trọng mang lại lợi ích lớn cho đơn vị. Cụ thể:

- Đảng ủy Công ty, Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng và Ban hành quy chế phối hợp làm việc chi tiết, cụ thể để làm căn cứ phối hợp trong quá trình hoạt động.

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động của đơn vị: Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, phối hợp làm việc... để triển khai kịp thời các nội dung công việc do Đảng ủy cấp trên, Đại hội đồng Cổ đông, của các cơ quan lý Nhà nước.

- Thực hiện chức trách nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo đúng : Điều lệ tổ chức và hoạt động doanh nghiệp, các quy chế, quy định, quyết định,... do Nhà nước, Hội đồng quản trị ban hành, sát thực với tình hình điều kiện thực tế của Công ty, của Cổ đông chi phối, của Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định đủ tính pháp lý, kịp thời làm cơ sở đảm bảo Ban điều hành triển khai toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế tại đơn vị.

- Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

- Quản lý, điều hành Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Chủ động quan hệ với địa phương, các Bộ ngành Trung ương, đơn vị chủ quản ngành góp phần tăng thêm sức mạnh, tìm kiếm sự ủng hộ cho hoạt động phát triển của Công ty, nhất là Công ty đang đối diện các khó khăn nêu trên. Thời gian quan công tác đối ngoại mang lại hiệu quả to lớn cho hoạt động toàn diện của Công ty.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.**

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, cho ý kiến về các nội dung trình của Tổng giám đốc nhằm đi đến thống nhất nội dung triển khai thực hiện.

**e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có;



**f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Không có;

**2. Ban Kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bùi Văn Minh	Trưởng BKS	
2	Lê Hồng Sơn	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Thế Tuấn	Thành viên BKS	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt rõ các nội dung công việc được thông qua, qua đó theo dõi, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng quy định và lợi ích hợp pháp cho đơn vị.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.**

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể: Tiền lương và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty thực hiện năm 2022 như sau:

TT	Chức danh	Số người	KH (Triệu đồng)	TH (Triệu đồng)	Chênh lệch (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	72	72	0	Thù lao
2	Ủy viên HĐQT	6	360	360	0	Thù lao
3	Trưởng BKS	1	60	60	0	Thù lao
4	Thành viên BKS	2	96	96	0	Thù lao
	Cộng	10	588	588	0	

- Ban Tổng giám đốc:

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
1	Tổng giám đốc	1	300.000.000	364.733.926	64.733.926	Tăng
2	P.Tổng giám đốc	1	216.000.000	264.744.532	48.744.532	Tăng
3	Kế toán trưởng	1	216.000.000	251.529.008	35.529.008	Tăng

*Nguyên nhân chênh lệch:*

Tiền lương năng suất Ban Tổng giám đốc được hưởng tương ứng với mức hoàn thành kế hoạch doanh thu bán điện đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Vì vậy, năm 2022 doanh thu tăng so với kế hoạch, dẫn đến tiền lương của Ban Tổng giám đốc cũng tăng theo.

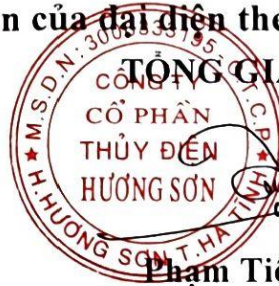
b) **Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:** Không;

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ hoặc người có liên quan:** Không.

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Công ty đã tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức hoạt động cũng như quy định quản trị Công ty trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và tổ chức.

**VI. Báo cáo tài chính:** Có các Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo (*Chi tiết xem Báo cáo tài chính sau kiểm toán đã được Công bố trên thị trường và Website của Công ty*)./.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty**



**Phạm Tiến Dũng**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>167.624.047.607</b>	<b>145.777.164.522</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>78.621.230.985</b>	<b>10.093.746.129</b>
1. Tiền	111	5	76.627.635.085	8.193.746.129
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.993.595.900	1.900.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.318.780.000</b>	<b>1.930.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.318.780.000	1.930.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>86.010.912.376</b>	<b>133.091.506.206</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	32.295.109.271	58.361.420.056
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.117.532.749	74.242.217.750
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	598.270.356	487.868.400
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>463.529.529</b>	<b>463.529.529</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	463.529.529	463.529.529
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>209.594.717</b>	<b>198.382.658</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.1	209.594.717	198.382.658
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>511.368.141.155</b>	<b>496.118.548.837</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>408.903.577.682</b>	<b>448.888.605.130</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	408.903.577.682	448.888.605.130
- Nguyên giá	222		797.090.932.989	805.085.502.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(388.187.355.307)	(356.196.897.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		229.326.317	229.326.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(229.326.317)	(229.326.317)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>83.292.671.351</b>	<b>22.263.978.144</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	83.292.671.351	22.263.978.144
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.171.892.122</b>	<b>24.965.965.563</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.2	19.171.892.122	24.965.965.563
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>678.992.188.762</b>	<b>641.895.713.359</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mẫu số B01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>190.330.546.438</b>	<b>206.046.534.050</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>54.331.531.938</b>	<b>68.264.834.050</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.348.646.173	3.109.790.997
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.761.968.034	5.712.946.534
3. Phải trả người lao động	314		580.757.765	772.359.446
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	240.902.664	352.280.507
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.126.607.100	740.872.216
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.1	38.872.000.000	54.812.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.400.650.202	2.764.584.350
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>135.999.014.500</b>	<b>137.781.700.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.2	135.999.014.500	137.781.700.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>488.661.642.324</b>	<b>435.849.179.309</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>488.661.642.324</b>	<b>435.849.179.309</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	285.620.000.000	285.620.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		285.620.000.000	285.620.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	95.206.665.235	95.206.665.235
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19a	107.834.977.089	55.022.514.074
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		42.274.688.370	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		65.560.288.719	55.022.514.074
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>678.992.188.762</b>	<b>641.895.713.359</b>

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phạm Tiến Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2022

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>174.275.042.273</b>	<b>149.965.505.969</b>		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	-		
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>174.275.042.273</b>	<b>149.965.505.969</b>		
4. Giá vốn hàng bán	11	22	80.742.438.837	71.300.042.500		
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>93.532.603.436</b>	<b>78.665.463.469</b>		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	288.953.390	296.455.486		
7. Chi phí tài chính	22	24	10.621.905.878	14.072.110.866		
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.621.312.240	14.070.849.856		
8. Chi phí bán hàng	25		-	-		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	8.995.497.663	8.666.340.698		
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>74.204.153.285</b>	<b>56.223.467.391</b>		
11. Thu nhập khác	31	26	318.259.727	1.824.181.818		
12. Chi phí khác	32	27	5.109.535.307	14.673.708		
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(4.791.275.580)</b>	<b>1.809.508.110</b>		
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>69.412.877.705</b>	<b>58.032.975.501</b>		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.852.588.986	3.010.461.427		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-		
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>65.560.288.719</b>	<b>55.022.514.074</b>		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.295	1.830		

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Hiệp

Nguyễn Văn Hiệp

Phạm Tiên Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2022

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>						
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>69.412.877.705</b>		<b>58.032.975.501</b>	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	35.949.205.661		36.169.222.930	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		4.757.572.028		(296.455.486)	
- Chi phí lãi vay	06	24	10.621.312.240		14.070.849.856	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>120.740.967.634</b>		<b>107.976.592.801</b>	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		84.293.134.468		(16.446.760.536)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.269.406.428)		(2.405.434.550)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.771.223.882		(13.610.061.007)	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.611.714.597)		(13.884.893.622)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(3.228.765.642)		(3.160.217.822)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(89.500.000)		(120.800.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>193.605.939.317</b>		<b>58.348.425.264</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(97.216.516.680)		(79.653.572.203)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(388.780.000)		(1.930.000.000)	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		234.590.219		296.455.486	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(97.370.706.461)</b>		<b>(81.287.116.717)</b>	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ đi vay	33		37.089.314.500		50.351.700.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.812.000.000)		(49.812.000.000)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		(9.985.062.500)		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27.707.748.000)</b>		<b>539.700.000</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>68.527.484.856</b>		<b>(22.398.991.453)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>10.093.746.129</b>		<b>32.492.737.582</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>		<b>78.621.230.985</b>		<b>10.093.746.129</b>	

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2022.

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiệp

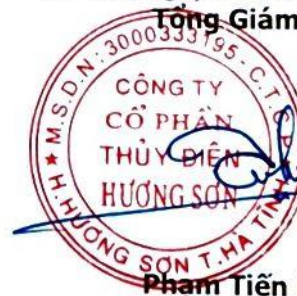
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phạm Tiên Dũng